

Thứ sáu, ngày 14 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/2/2020		•	
Tuần 17/2-21/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index có đà tăng điểm tốt nhờ việc VHM bứt phá và TCB, GAS, VPB, VRE giữ được sắc xanh. Tuy nhiên, chỉ số quay đầu giảm điểm vào những phút cuối phiên chiều trước áp lực bán tại các mã VIC, CTG, BID và chưa thể thành công chinh phục ngưỡng 940 điểm. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức trung bình thấp và khối ngoại vẫn bán ròng là diễn biến quen thuộc của thị trường trong những phiên gần đây. Trong hôm qua, MSCI cũng đã công bố báo cáo cơ cấu danh mục định kỳ quý I/2020 với chỉ số MSCI Frontier Markets Index. Theo đó, không có sự thay đổi về cổ phiếu Việt Nam trong rổ này. Tuy nhiên, BSC cũng lưu ý về việc khi Kuwait chính thức được nâng hạng thị trường vào tháng 5/2020, tỉ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ có thể đạt xấp xỉ 25%, đồng nghĩa với việc dòng vốn đổ vào thị trường từ các quỹ đang sử dụng rổ chỉ số này làm benchmark có thể tăng lên đáng kể.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme Ngân hàng 1.2%. 15/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của VNINDEX là -0.1%.

Phân tích kỹ thuật: STK_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.79 điểm**, đóng cửa 937.45. HNX-Index **+1.55 điểm**, đóng cửa 109.74.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.56); TCB (+0.74); GAS (+0.56); VPB (+0.40); MBB (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.32); CTG (-0.48); BID (-0.46); SAB (-0.22); HDB (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,709 tỷ đồng**, +9.6% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.18 điểm. Thị trường có 160 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 177 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **89.97 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (19.54 tỷ), HPG (15.85 tỷ) và NVL (10.86 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.90 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

937.45

Giá trị: 2709.9 tỷ

-0.79 (-0.08%)

Khối ngoại (ròng): -89.97 tỷ

HNX-INDEX

109.74

Giá trị: 412.26 tỷ

1.55 (1.43%)

Khối ngoại (ròng): 3.9 tỷ

UPCOM-INDEX

56.47

Giá trị: 0.16 tỷ

0.3 (0.53%)

Khối ngoại(ròng): 4.38 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.4	0.04%
Giá vàng	1,576	-0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,245	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,190	-0.71%
Tỷ giá JPY/VND	21,170	0.05%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	6.19%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-8.37%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	18.0	MSN	19.5
STB	8.2	HPG	15.9
GAS	5.6	NVL	10.9
PLX	4.9	VIC	9.2
VRE	4.7	BVH	8.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của VNINDEX là -0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **5/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	1.2%	3.1%	9.1%	6.2%	22.2%	24.8%	88.3%	21.7%
VN FinSelect	1.0%	2.0%	7.1%	0.7%	14.0%	7.7%	40.5%	17.8%
VN Diamond	1.0%	2.5%	2.2%	-4.4%	5.1%	13.3%	62.4%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	2.1%	0.6%	-5.7%	2.5%	11.4%	65.3%	17.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.8%	1.8%	8.2%	2.5%	17.0%	11.6%	47.6%	19.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	0.6%	-3.8%	-12.4%	-13.2%	-14.8%	31.3%	21.2%
Xây dựng	0.4%	4.2%	0.2%	-13.6%	-15.3%	-21.5%	1.6%	18.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	0.4%	-1.8%	-6.9%	-0.5%	7.5%	55.9%	15.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.3%	1.0%	1.2%	-2.3%	6.4%	26.8%	98.9%	19.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	0.5%	-0.7%	-9.0%	-2.0%	-1.2%	48.4%	14.5%
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	1.4%	-2.7%	-9.2%	-6.4%	-0.1%	47.1%	16.3%
Lãi suất giảm	0.1%	4.8%	3.7%	-3.6%	-2.6%	-0.8%	50.4%	17.9%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	0.1%	-2.0%	-7.0%	-4.2%	2.8%	1.2%	18.7%
Nước & Năng lượng	0.0%	3.6%	-2.6%	-9.3%	-7.5%	-5.7%	37.7%	14.5%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	2.3%	-2.5%	-8.6%	-14.0%	-5.1%	4.6%	15.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	2.0%	1.2%	1.2%	-2.1%	6.4%	42.5%	14.5%
Dầu khí	-0.2%	1.7%	-8.0%	-15.2%	-16.2%	-8.6%	7.4%	22.7%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	0.9%	-3.5%	-14.2%	-12.9%	-5.6%	40.9%	17.5%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-2.1%	-4.2%	-9.7%	-3.4%	-0.3%	76.0%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-1.1%	-4.2%	-10.2%	-4.7%	-1.3%	65.7%	13.7%
Ngành Dược	-1.0%	0.3%	5.8%	0.9%	6.4%	10.9%	40.7%	17.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.3%	1.8%	0.5%	-7.1%	0.8%	7.4%	67.5%	20.2%
Danh mục 4	0.1%	1.6%	-3.2%	-10.0%	-2.0%	11.6%	49.8%	16.1%
Danh mục 14	0.1%	2.7%	0.7%	-5.9%	0.9%	13.3%	60.7%	15.9%
Danh mục 13	-0.7%	-0.3%	-2.8%	-8.8%	-2.9%	9.9%	59.1%	15.5%
Danh mục 18	-0.9%	-1.0%	-2.2%	-1.5%	1.0%	5.9%	98.7%	19.3%

* Note **5/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.5%	1.0%	-0.9%	-7.4%	-0.4%	5.8%	42.3%	16.8%
Danh mục 21	0.0%	1.7%	-1.4%	-7.1%	-0.3%	9.8%	53.4%	15.8%
Danh mục 20	-0.1%	1.2%	-2.3%	-8.5%	-1.3%	9.0%	74.8%	16.7%
Danh mục 22	-0.3%	1.0%	-2.0%	-5.7%	2.6%	23.7%	64.8%	16.7%
Danh mục 25	-0.8%	-0.4%	-3.4%	-6.7%	-1.4%	17.2%	95.2%	16.8%

* Note **2/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-0.1%	-0.4%	-2.4%	-7.8%	-3.0%	0.0%	33.9%	15.4%
VN30INDEX	0.2%	0.3%	-1.4%	-7.9%	-1.4%	-2.5%	33.0%	15.8%

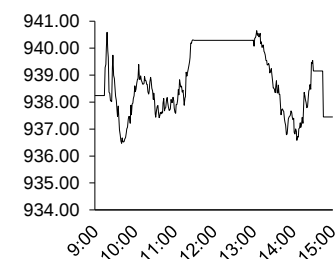
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
2/14/2020
Vietnam Daily Review

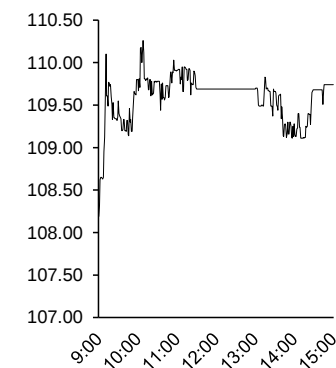
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.0%
Dịch vụ tài chính	1.0%
Công nghệ Thông tin	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Ngân hàng	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.3%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Dầu khí	-0.1%
Hóa chất	-0.2%
Bất động sản	-0.3%
Y tế	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.6%
Bán lẻ	-0.7%
Bảo hiểm	-0.8%
Ô tô và phụ tùng	-1.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

STK_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: STK đang có sự hồi phục trở lại sau khi đã tích lũy tại khu vực 16-18 trong 2 tháng qua. Hôm nay, giá cổ phiếu đã thoát khỏi vùng tích lũy nêu trên với thanh khoản không cao như phiên liền trước nhưng giá trị vẫn khá đáng kể. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đang tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn. Ngưỡng kháng cự gần nhất của cổ phiếu nằm tại khu vực xung quanh 20. Theo đánh giá của chúng tôi, STK tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại vùng giá 21-22 trong trung hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Rủi ro Đầu tư

Do tác động của chiến tranh thương mại làm cho nhu cầu tiêu thụ giảm nên các doanh nghiệp dệt may cũng trì hoãn việc mua nguyên liệu về sử dụng làm giảm đi sức tiêu thụ của thị trường. Từ đó, để giải phóng hàng tồn kho và bù đắp các đơn hàng bị mất ở TT TQ và Mỹ, các doanh nghiệp sợi TQ đã bán phá giá thấp hơn -30% YoY ở nhiều thị trường khác gây thiệt hại đến các công ty VN. Tình hình xuất khẩu sợi Polyester Filament VN trong 9T2019 với KNXK đạt 178.7 triệu USD (-23.6% YoY) vs sản lượng là 96.8 nghìn tấn (-23.6% YoY).

Cập nhật KQKD

Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express STK 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 14/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 14/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.42	0.00%	2.19%	-11.74%	-9.68%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	56.30	-0.07%	3.36%	-10.93%	-14.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	158.01	-0.01%	3.69%	-5.05%	2.29%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1576.32	0.02%	0.37%	1.29%	19.43%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.68	0.18%	-0.12%	-1.80%	12.33%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	904.25	-0.19%	1.03%	-5.36%	-6.61%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	544.00	-0.14%	-2.29%	-4.60%	-1.27%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.12	-98.00%	-64.00%	-0.98%	8.29%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	182.40	22.00%	218.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.78	-1.86%	1.65%	4.45%	6.03%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.70	3.84%	6.33%	-8.73%	-9.35%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5790.00	0.45%	0.96%	-8.12%	-5.65%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3385.00	-0.44%	2.27%	-5.65%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1748.00	0.63%	0.63%	-3.37%	-5.51%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	625.00	0.40%	6.75%	-6.55%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.50	0.36%	-2.15%	-5.37%	-23.12%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 55 US cent hay 1% lên 56.34 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 25 US cent hay 0.5% lên 51.42 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trong phiên qua do các nhà đầu tư hy vọng các nhà sản xuất lớn trên thế giới sẽ giảm sản lượng thêm, trong khi họ không chú tâm tới các báo cáo của OPEC và IEA giảm dự báo nhu cầu trong năm nay bởi dịch bệnh bùng phát của virus corona tại Trung Quốc, nước nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới.
- Tập đoàn hóa chất quốc gia Trung Quốc cho biết họ sẽ đóng cửa 1 nhà máy lọc dầu công suất 100,000 thùng/ngày và cắt giảm xử lý tại 2 nhà máy khác trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu giảm.
- Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự kiến nhu cầu dầu trong quý 1 giảm lần đầu tiên trong 10 năm trước khi phục hồi trong quý 2. Cơ quan này giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu cả năm xuống 825,000 thùng/ngày. OPEC đã giảm 200,000 thùng/ngày dự báo nhu cầu dầu thô của họ năm 2020 thúc đẩy dự đoán OPEC+ sẽ cắt giảm sản lượng hơn nữa.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,576.32 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.5% lên 1,577.81 USD/ounce.
- Vàng tăng lên mức cao nhất trong hơn một tuần sau khi số trường hợp nhiễm virus corona mới và số người chết ở Trung Quốc tăng mạnh thúc đẩy các nhà đầu tư tìm kiếm tài sản rủi ro thấp.
- Sau các báo cáo về tình hình suy giảm các trường hợp nhiễm virus corona mới, Trung Quốc cho biết đã có sự gia tăng kỷ lục về số lượng các ca tử vong và lây nhiễm theo phương pháp chẩn đoán mới, mỗi đe dọa tiềm tàng đối với triển vọng kinh tế toàn cầu.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 1.6% lên 624.5 CNY (89.43 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.3%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.1%.
- Quặng sắt của Trung Quốc tăng phiên thứ ba liên tiếp khi giá giao ngay tăng lên mức cao nhất 3 tuần sau khi công ty khai khoáng Vale SA giảm triển vọng sản lượng trong quý 1, nhưng lo ngại về số người chết do virus corona đã kiềm chế đà tăng. Giá quặng sắt giao ngay tăng sau khi công ty Vale của Brazil điều chỉnh giảm dự báo sản lượng quặng sắt trong quý 1 xuống 63 – 68 triệu tấn từ dự báo 68 – 73 triệu tấn, do mưa nhiều gần đây ảnh hưởng tới hoạt động của công ty.
- Nguồn cung quặng sắt cho Trung Quốc từ Australia cũng chậm lại với các lô hàng từ kho cảng Port Hedland, cảng quặng sắt lớn nhất thế giới, giảm 18% trong tháng 1 so với tháng liền trước.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.62 US cent hay 4% xuống 15.16 US cent/lb. Đường trắng giao tháng 5 giảm 11.4 USD hay 4% xuống 416.3 USD/tấn.
- Các công ty đường và ethanol ở Brazil có thể bước vào mùa tốt nhất trong một thời gian dài, khi thời tiết thuận lợi thúc đẩy triển vọng vụ mới và tỷ giá đồng nội tệ thấp kỷ lục làm tăng doanh thu xuất khẩu.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 3.95 US cent hay 3.8% lên 1.0670 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 14 USD lên 1,301 USD/tấn.

CHUYỆN CON LỪA

Chuyện kể rằng xưa kia có một người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã ngấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

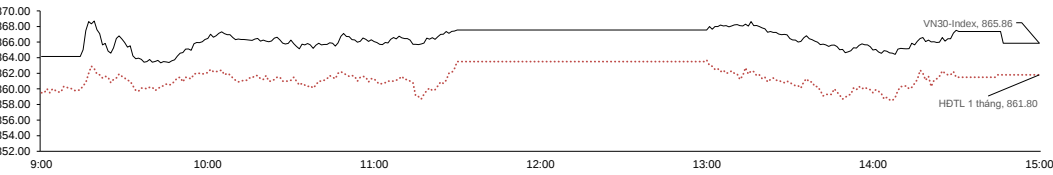
Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa. Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua con sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã.

Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc chắn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây". Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	861.80	0.78%	-4.06	-3.7%	126261	2/20/2020	6
VN30F2003	861.00	0.76%	-4.86	49.9%	640	3/19/2020	34
VN30F2006	866.00	0.70%	0.14	-43.5%	48	6/18/2020	125
VN30F2009	869.20	1.52%	3.34	-60.9%	18	9/17/2020	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng nhẹ 1.70 điểm lên mức 865.86 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VHM, MBB và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay vận động tích lũy quanh vùng 864-868 điểm. Tuần sau là thời điểm đáo hạn của VN30F2002, chỉ số có thể biến động mạnh. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 870 điểm trong các phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CTCB1902	VND	6/5/2020	112	1:1	108,700	170.1%	2.0 triệu	23.06%	5,300	3,670	17.63%	2,190.60	1.68
CVHM1902	SSI	4/22/2020	68	1:1	11,900	226.9%	1.0 triệu	21.86%	18,600	9,210	15.13%	4,398.70	2.09
CVRE1903	KIS	5/15/2020	91	2:1	519,860	164.3%	4.0 triệu	25.36%	2,700	1,050	9.38%	346.70	3.03
CVPB1901	VND	3/5/2020	20	1:1	255,240	150.7%	2.0 triệu	24.60%	3,500	9,030	9.06%	8,246.80	1.09
CMBB1905	HSC	4/8/2020	54	2:1	634,790	5799.5%	5.0 triệu	20.43%	1,700	630	8.62%	129.00	4.88
CVHM1903	MBS	3/17/2020	32	5:1	129,350	1270.2%	1.5 triệu	21.86%	2,000	1,340	8.06%	701.50	1.91
CVPB2001	HSC	6/22/2020	129	2:1	99,420	247.6%	5.0 triệu	24.60%	1,500	4,160	6.12%	3,282.10	1.27
CSTB2001	KIS	6/19/2020	126	1:1	228,820	-28.2%	5.0 triệu	21.87%	1,500	1,970	5.91%	1,046.30	1.88
CMBB1903	SSI	4/22/2020	68	1:1	100,370	-42.1%	3.0 triệu	20.43%	4,000	1,670	5.70%	688.60	2.43
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	54	2:1	77,510	3025.4%	2.0 triệu	24.60%	1,000	3,400	4.62%	3,022.00	1.13
CREE1905	MBS	6/17/2020	124	3:1	104,310	-64.7%	2.4 triệu	23.74%	2,150	1,450	3.57%	459.90	3.15
CFPT1905	SSI	4/22/2020	68	1:1	49,190	106.4%	1.0 triệu	22.53%	9,900	3,760	1.62%	1,761.90	2.13
CFPT1908	MBS	6/17/2020	124	3:1	155,270	-14.4%	2.4 triệu	22.53%	3,150	2,140	0.00%	1,047.90	2.04
CHPG1909	KIS	5/15/2020	91	2:1	257,330	54.2%	5.0 triệu	26.71%	1,800	1,040	0.00%	562.50	1.85
CHPG1907	SSI	4/22/2020	68	1:1	40,680	-65.4%	1.0 triệu	26.71%	4,200	3,860	-2.53%	3,364.50	1.15
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	70	5:1	170,450	-49.1%	2.0 triệu	22.01%	2,200	1,400	-2.78%	591.10	2.37
CMWG2002	MBS	4/24/2020	70	10:1	175,200	84.9%	2.0 triệu	23.38%	1,950	1,330	-3.62%	606.10	2.19
CHDB2002	MBS	4/10/2020	56	2:1	314,090	149.0%	1.5 triệu	23.43%	1,950	2,000	-9.91%	1,885.40	1.06
CROS2001	KIS	6/19/2020	126	4:1	2,152,920	607.3%	10.0 triệu	42.72%	1,500	200	-13.04%	-	
CMWG1907	HSC	4/8/2020	54	10:1	326,750	592.7%	5.0 triệu	23.38%	1,900	320	-15.79%	23.00	13.91
Tổng:					5,912,150		62.80 triệu	24.29%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 14/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CTCB1902 và CVHM1902 tăng mạnh lần lượt là 17.63% và 15.13%. Trái lại, CMWG1907 và CROS2001 giảm mạnh lần lượt là -15.79% và -13.04%. Thanh khoản thị trường tăng mạnh 86.32%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 29.51% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.30	3.10	2.17
VPB	27.15	2.07	1.28
VHM	87.60	1.86	0.82
MBB	21.75	1.64	0.67
STB	11.60	0.87	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	110.0	-2.14	-1.50
HDB	28.6	-2.05	-0.55
MWG	107.1	-0.83	-0.36
MSN	49.8	-0.80	-0.26
ROS	9.2	-6.69	-0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB1902	26,300	21,000	23,300
CVHM1902	103,600	85,000	87,600
CVRE1903	41,189	35,789	31,750
CVPB1901	21,500	18,000	27,150
CMBB1905	26,400	23,000	21,750
CVHM1903	94,500	84,500	87,600
CVPB2001	23,000	20,000	27,150
CSTB2001	12,499	10,999	11,600
CMBB1903	26,000	22,000	21,750
CVPB2002	22,300	20,300	27,150
CREE1905	41,050	34,600	35,150
CFPT1905	64,900	55,000	54,500
CFPT1908	63,450	54,000	54,500
CHPG1909	28,280	24,680	23,700
CHPG1907	25,200	21,000	23,700
CPNJ2001	94,500	83,500	82,700
CMWG2002	129,500	110,000	107,100
CHDB2002	29,900	26,000	28,600
CROS2001	32,468	26,468	9,200
CMWG1907	144,000	125,000	107,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.1	-0.8%	0.7	2,110	1.9	8,655	12.4	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.7	0.2%	1.2	810	1.1	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	57.0	-0.9%	1.3	1,840	0.5	1,632	34.9	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	0.6%	0.7	321	0.0	2,859	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	110.0	-2.1%	0.9	16,177	1.2	2,268	48.5	4.9	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.8	1.0%	1.1	3,137	1.9	1,253	25.3	2.7	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.2	-0.6%	0.8	2,285	1.4	3,563	15.2	2.4	6.7%	16.3%
REE	Bất động sản	35.2	1.0%	1.0	474	0.6	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	13.1	2.8%	1.6	297	0.9	2,849	4.6	1.0	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.8	1.1%	1.4	401	0.8	1,708	10.4	0.9	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.2	1.8%	1.0	201	0.0	4,218	6.7	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.2	2.4%	1.8	255	1.4	1,421	13.5	1.4	55.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.5	0.4%	0.9	1,607	2.1	4,225	12.9	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	44.2	-1.6%	0.4	478	0.0	4,156	10.6	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	88.5	1.1%	1.5	7,365	0.6	6,096	14.5	3.5	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	53.3	0.0%	1.5	2,760	1.4	3,495	15.2	2.8	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.3	-0.6%	1.4	339	0.7	1,529	10.7	0.6	20.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.8	0.0%	0.8	1,051	0.2	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.5	-0.5%	0.5	543	0.1	4,668	20.5	3.7	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	-0.8%	0.7	202	0.1	902	13.2	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.2	1.6%	0.6	142	0.2	683	9.1	0.5	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.3	0.0%	1.3	14,400	1.7	5,004	17.8	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	50.0	-0.8%	1.7	8,744	1.4	2,398	20.9	2.7	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.8	-1.7%	1.6	4,339	7.2	2,541	10.5	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.2	2.1%	1.2	2,878	6.8	3,370	8.1	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.8	1.6%	1.1	2,220	8.6	3,480	6.3	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	26.4	3.5%	1.2	1,901	9.2	3,686	7.2	1.6	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.9	-0.5%	0.8	146	0.3	5,165	7.9	1.3	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	19.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.5	-2.7%	1.1	624	0.0	732	19.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.7	0.0%	1.0	2,845	5.2	2,581	9.2	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.1	2.3%	1.8	148	1.4	1,161	6.9	0.6	18.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	106.6	-0.3%	0.8	8,071	3.3	5,478	19.5	6.7	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	189.8	-0.6%	0.8	5,292	0.3	7,477	25.4	6.5	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.8	-0.8%	1.2	2,531	2.4	4,772	10.4	1.4	38.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.2	0.5%	0.4	541	2.4	508	41.8	1.7	6.4%	3.5%
ACV	Vận tải	60.0	0.2%	0.8	5,679	0.2	2,630	22.8	4.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.6	-0.5%	1.1	2,929	1.6	7,889	16.3	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	27.3	-0.9%	1.7	1,680	0.5	1,640	16.6	2.1	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.9	2.1%	0.9	257	0.3	1,595	12.5	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.5	-0.4%	0.5	165	0.1	2,421	5.6	0.9	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.1	0.7%	1.1	529	0.8	8,824	8.6	3.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.7	-0.3%	0.7	344	0.1	1,454	12.1	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	0.3%	0.8	239	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	64.2	-0.2%	0.9	213	0.5	8,858	7.2	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	-1.2%	1.0	476	0.1	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	0.0%	0.4	256	0.1	1,750	13.6	1.1	50.7%	8.8%
POW	Điện	10.4	-1.4%	0.6	1,059	0.5	1,064	9.8	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	21.0	-0.2%	0.5	263	0.2	2,577	8.1	1.5	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.60	1.86	1.56	481520.00
TCB	23.30	3.10	0.71	4.38MLN
GAS	88.50	1.14	0.56	162870.00
VPB	27.15	2.07	0.39	5.75MLN
MBB	21.75	1.64	0.24	9.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	26.40	3.53	1.45	8.01MLN
SHB	7.30	1.39	0.13	5.47MLN
TVC	29.00	9.85	0.09	82100.00
IDJ	10.50	9.38	0.03	334100.00
NDN	15.80	2.60	0.02	592100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.35	252390.00	1.11MLN
CTG	0.00	-0.49	6.11MLN	607060.00
BID	0.00	-0.47	627040.00	373600.00
SAB	0.00	-0.22	38650.00	192700.00
HDB	0.00	-0.17	2.11MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	24.50	-5.41	-0.05	1500.00
VCG	24.80	-1.20	-0.03	53900.00
PVS	16.30	-0.61	-0.02	973400.00
KLF	1.40	-6.67	-0.02	1.73MLN
VHL	28.80	-5.57	-0.02	1200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ELC	7.20	6.98	0.01	778790.00
GTN	18.40	6.98	0.09	250740.00
YEG	49.10	6.97	0.03	46210.00
TNC	14.60	6.96	0.01	110.00
VIP	5.54	6.95	0.01	212610.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	14.3	0.00	324200.00
CAN	22.00	10.0	0.01	100.00
TVC	29.00	9.9	0.09	82100.00
KTS	11.20	9.8	0.00	1800.00
PBP	6.80	9.7	0.00	2100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	42.70	-6.97	-0.03	320.00
HOT	44.05	-6.97	-0.01	10.00
FCM	6.42	-6.96	-0.01	400.00
DTA	4.69	-6.94	0.00	37900.00
DAT	18.30	-6.87	-0.02	20.00

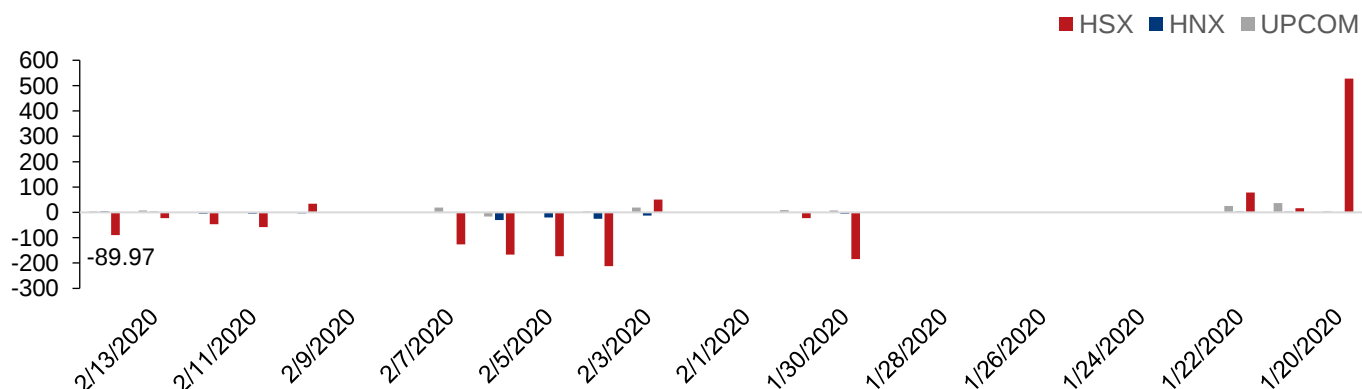
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LUT	1.80	-10.00	0.00	700.00
NRC	7.20	-10.00	-0.01	106600.00
UNI	3.60	-10.00	-0.01	11100.00
VMS	5.40	-10.00	0.00	100.00
DAD	19.30	-9.81	0.00	2100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	95.5	4,668	20.5	3.7	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	29.5	5,020	5.9	1.4	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.7	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.5	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	166.5	29,035	5.7	4.5	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.4	0	38.1	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	107.1	8,655	12.4	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	26.4	3,686	7.2	1.6	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.3	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.3	2,881	8.1	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.3	5,004	17.8	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	28.1	7,028	4.0	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.5	4,225	12.9	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	28.0	3,897	7.2	1.3	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.6	2,236	7.0	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.5	2,846	10.4	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	49.8	4,772	10.4	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.6	5,478	19.5	6.7	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.8	3,700	5.9	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn